

Số: 585/TB-HV

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

## THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2020

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGD&ĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-HV ngày 15/06/2015 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-HV của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 của Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-HV ngày 15/06/2015 của Giám đốc Học viện,

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ Đợt 2 năm 2020. Cụ thể như sau:

### I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

### II. HÌNH THỨC, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO:

#### 1. Hình thức và thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: từ 1,5 đến 2,0 năm (theo từng chuyên ngành)

#### 2. Địa điểm đào tạo:

*Tại Phía Bắc:* Cơ sở đào tạo tại Hà Nội

Km10 đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024.33512254; Fax: 024.33829236

### III. CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO, MÔN THI TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO:

Chuyên ngành đào tạo	Mã số	Môn thi tuyển			Chỉ tiêu (Dự kiến)
		Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ	
Kỹ thuật viễn thông	8520208	Toán cao cấp	Lý thuyết mạch	Tiếng Anh	90
Hệ thống thông tin	8480104	Toán rời rạc	Kỹ thuật lập trình		
Khoa học máy tính	8480101				
Quản trị kinh doanh	8340101	Toán kinh tế	Kinh tế học		30

**Ghi chú:** Học viện không tổ chức tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2020 tại Cơ sở Phía Nam.

Các trường hợp được miễn thi môn Tiếng Anh:

Thí sinh được miễn thi môn Tiếng Anh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau: ✓

- b. Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh.
- c. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.
- d. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm V.1.a.
- e. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học
- f. Con liệt sĩ.

## 2. Các loại giấy tờ cần nộp để được hưởng chính sách ưu tiên:

- Đối tượng ưu tiên theo điểm (a) của mục V.1. phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (b) và (c) của mục V.1. phải có Thẻ thương binh hoặc các loại giấy tờ liên quan; Giấy chứng nhận Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động.
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (d) của mục V.1. phải có bản sao công chứng Giấy khai sinh và hộ khẩu.
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (e) của mục V.1. phải có bản sao Giấy khai sinh; Giấy chứng nhận là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học
- Đối tượng ưu tiên theo điểm (f) của mục V1. Phải có bản sao Giấy khai sinh và Giấy chứng nhận là con liệt sĩ do chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cấp.

## 3. Chính sách ưu tiên:

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi 10 điểm (*mười điểm*) cho môn Tiếng Anh (*thang điểm 100*) nếu không thuộc diện miễn thi Tiếng Anh và cộng 01 điểm (*một điểm*) vào môn Cơ bản (*thang điểm 10*).
- Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

**Ghi chú:** Mọi trường hợp bổ sung hồ sơ đối tượng ưu tiên sau ngày thi tuyển đều không được chấp nhận.

## VI. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN, XÉT TUYỂN

1. Thí sinh thuộc diện để xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).
2. Căn cứ vào chỉ tiêu và tổng điểm hai môn thi của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), Hội đồng tuyển sinh sẽ xác định phương án điểm trúng tuyển, theo nguyên tắc lấy từ thí sinh có điểm cao từ trên xuống và đảm bảo ngưỡng chất lượng.
3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi (đã cộng điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên:
  - a. Ưu tiên thí sinh là nữ;
  - b. Người có điểm môn Cơ sở cao hơn;
  - c. Người được miễn thi Tiếng Anh hoặc người có điểm môn Tiếng Anh cao hơn.

**Ghi chú:** Học viện chỉ tổ chức lớp học khi mỗi lớp có từ 25 học viên trở lên. Nếu số lượng ít hơn 25 học viên / lớp thì các học viên đã trúng tuyển có thể được xem xét chuyển sang chuyên ngành khác phù hợp (cùng môn thi tuyển sinh) hoặc có thể bảo lưu kết quả trúng tuyển và học cùng với đợt tuyển sinh tiếp theo. ✓

## VII. HỒ SƠ TUYỂN SINH:

### 1. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- 1) 01 Đơn đăng ký dự thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ (theo mẫu)
- 2) 01 Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương)
- 3) 01 Bản sao công chứng các loại giấy tờ sau:
  - a) Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học;
  - b) Các loại giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).
  - c) Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Học viện trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự thi (nếu có);
- 4) Chứng chỉ tiếng Anh theo quy định (nếu có).
- 5) 01 Công văn cử đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với thí sinh do cơ quan cử đi (không yêu cầu đối với thí sinh tự do).
- 6) Giấy xác nhận thâm niên công tác hoặc Hợp đồng lao động/ Quyết định tiếp nhận công tác (đối với thí sinh phải có điều kiện về thời gian công tác);
- 7) 04 Ảnh màu cỡ 3x4cm (ghi rõ họ tên và ngày sinh của thí sinh ở mặt sau) và 02 phong bì dán tem và đề sẵn địa chỉ liên hệ của thí sinh;
- 8) 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ký đến ngày nộp hồ sơ;
- 9) Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

### 2. Thời gian phát hành và tiếp nhận hồ sơ dự thi: Từ ngày 18/08/2020 đến ngày 30/10/2020

## VIII. PHÍ TUYỂN SINH:

- |                                    |                     |
|------------------------------------|---------------------|
| 1. Tiền phát hành hồ sơ:           | 60.000 đồng / hồ sơ |
| 2. Phí đăng ký dự thi:             | 60.000 đồng / hồ sơ |
| 3. Phí dự thi:                     | 120.000 đồng / môn  |
| 4. Kinh phí ôn thi:                | 660.000 đồng /môn   |
| 5. Kinh phí học bổ sung kiến thức: | 660.000 đồng /môn   |

**Lưu ý:** - Phí đăng ký dự thi và phí dự thi nộp một lần khi nộp hồ sơ ĐKDT.

- Học viện không hoàn trả hồ sơ ĐKDT, lệ phí tuyển sinh khi thí sinh xin rút đơn ĐKDT

## IX. THỜI GIAN TỔ CHỨC THI TUYỂN SINH:

**Thời gian: Dự kiến tháng 11/2020 (Lịch thi cụ thể Học viện sẽ thông báo sau).**

### 2. Ôn tập kiến thức

- Học viện tổ chức lớp Ôn tập kiến thức dự thi: Từ ngày 24/08/2020 đến ngày 30/10/2020 (Để tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh, Học viện có tổ chức các lớp Ôn tập với thời gian trong hoặc ngoài giờ hành chính).

### 3. Học Bổ sung kiến thức:

- Học viện tổ chức lớp học BSKT cho thí sinh: Từ ngày 24/08/2020 đến ngày 30/10/2020 (Thí sinh khi đến đăng ký học BSKT mang theo bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm để xác định số môn cần phải học BSKT).

- Các trường hợp đã học và được công nhận hoàn thành chương trình BSKT của Học viện trong thời gian **12 tháng** (tính từ ngày có quyết định công nhận hoàn thành chương trình đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) được miễn học các môn BSKT của ngành tương ứng.

## X. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

### Tại Phía Bắc:

**Văn phòng Giao dịch một cửa (Bộ phận Tuyển sinh)**

Km10 đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.33528122; Fax: 024.33829236.

Email: [tuyensinh@ptit.edu.vn](mailto:tuyensinh@ptit.edu.vn)

Website: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

*Mọi thông tin chi tiết và mẫu hồ sơ đăng ký dự thi, đề cương ôn tập kiến thức thí sinh có thể xem và tải về tại trang thông tin điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông theo địa chỉ: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>.*

### Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Bộ Thông tin và truyền thông (b/c);
- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Học viện;
- Các Phòng, Ban, Khoa, Trung tâm của Học viện;
- Lưu VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**TS. Vũ Tuấn Lâm**

**PHỤ LỤC I**

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số 585/TB-HV ngày 18/02/2020 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)*

**TIẾNG ANH**

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	IELTS	TOEFL	TOEIC	CAMBRIDGE EXAM	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1
Tổ chức cấp chứng chỉ	- British Council (BC); - International Development Program (IDP)	- Educational Testing Service (ETS), hoặc trung tâm IIG, IIE được ETS ủy quyền		- Các cơ sở của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận			- Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận

(Ghi chú: Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được. Trong trường hợp Học viện không xác định được rõ Tổ chức cấp chứng chỉ Quốc tế, thì Học viện yêu cầu thí sinh tham gia thi)

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
(Ban hành kèm theo Thông báo số 55/TTB-HV ngày 18/04/2020 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức	Môn bổ sung kiến thức	Số tiết
1	Kỹ thuật viễn thông Mã chuyên ngành: 8520208	Kỹ thuật điện tử viễn thông (hoặc Kỹ thuật điện tử, truyền thông)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vô tuyến điện và thông tin liên lạc;</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông (Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông);</li> <li>- Điện tử thông tin;</li> <li>- Chỉ huy Kỹ thuật viễn thông;</li> <li>- Các chuyên ngành về điện tử viễn thông, kỹ thuật thông tin, kỹ thuật viễn thông của các trường đại học khác;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện <i>đến 10%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p>Ngành gần</p> <p>Ngành gần</p> <p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật rada dẫn đường</li> <li>- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</li> <li>- Kỹ thuật điện, điện tử</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</li> <li>- Kỹ thuật điện tử</li> <li>- Kỹ thuật cơ điện tử</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử</li> <li>- Điện tử tin học</li> <li>- Vật lý vô tuyến</li> </ul> <p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật máy tính</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật máy tính</li> <li>- Công nghệ thông tin</li> <li>- Khoa học máy tính</li> <li>- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu</li> <li>- Kỹ thuật phần mềm</li> <li>- Hệ thống thông tin</li> <li>- Tin học</li> <li>- An toàn thông tin</li> <li>- Tin học ứng dụng</li> </ul> <p>Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 2 môn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Tin hiệu và hệ thống</li> <li>2. Lý thuyết thông tin</li> </ul> <p>Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện <i>từ 10-40%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành</p>	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Truyền dẫn số</li> <li>2. Cơ sở kỹ thuật thông tin quang</li> <li>3. Cơ sở kỹ thuật thông tin vô tuyến</li> <li>4. Cơ sở kỹ thuật mạng truyền thông</li> </ul> <p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Tin hiệu và hệ thống</li> <li>2. Lý thuyết thông tin</li> </ul>	30 30 30 30

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức		Số tiết
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	
				<b>Nhóm 1:</b>	<b>Nhóm 1:</b>	
				- Kỹ thuật Điều khiển, tự động hóa	1. Kỹ thuật vi xử lý	45
				- Công nghệ kỹ thuật Điều khiển, tự động hóa	2. Công nghệ phát thanh truyền hình số	30
				- Kỹ thuật Cơ điện tử	3. Lý thuyết thông tin	30
				- Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	4. Lý thuyết trường và siêu cao tần	45
				<b>Nhóm 2:</b>	<b>Nhóm 2:</b>	
				- Kỹ thuật máy tính	1. Lý thuyết trường và siêu cao tần	45
				- Công nghệ kỹ thuật máy tính	2. Cơ sở điều khiển tự động	45
				- Công nghệ thông tin	3. CAD/CAM	30
				- Khoa học máy tính	4. Điện tử công suất	30
				- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		
				- Công nghệ, kỹ thuật điện tử viễn thông		
				- Kỹ thuật điện tử, viễn thông		
				- Hệ thống thông tin		
				- Vật lý kỹ thuật		
				- Vật lý học		
				- Kỹ thuật y sinh		
				- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Điện, điện tử của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành		

Kỹ thuật Điện tử

Mã chuyên ngành:  
8520203

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức	Số tiết
			<p>Ngành gần</p> <p><b>Nhóm 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Sư phạm tin học</li> <li>- Tin học quản lý</li> <li>- Cơ tin</li> <li>- Toán - Thống kê - Tin học</li> <li>- Toán tin</li> <li>- Hệ thống thông tin kinh tế</li> </ul> <p><b>Nhóm 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật điện tử, truyền thông</li> <li>- Kỹ thuật điện tử viễn thông</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông</li> <li>- Điện tử tin học</li> <li>- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</li> <li>- Kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ đa phương tiện</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</li> <li>- Kỹ thuật điện tử</li> <li>- Kỹ thuật rada dẫn đường</li> <li>- Kỹ thuật cơ điện tử</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử</li> <li>- Vật lý vô tuyến</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính) của Học viện <i>từ 10-40%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chi của khối kiến thức ngành</li> </ul>	<p><b>Nhóm 1:</b></p> <p>Nhóm bổ sung kiến thức</p> <p><b>Nhóm 1:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ sở dữ liệu</li> <li>2. Hệ điều hành</li> <li>3. Mạng máy tính</li> <li>4. Công nghệ phần mềm</li> </ol> <p><b>Nhóm 2:</b></p> <p><i>Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 2 môn sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật</li> <li>2. Kiến trúc máy tính</li> </ol>	<p>30</p> <p>30</p> <p>30</p> <p>30</p> <p>40</p> <p>30</p>
<p>Hệ thống thông tin</p> <p>Mã chuyên ngành: 8480104;</p>	<p>- Công nghệ thông tin;</p> <p>- Kỹ thuật phần mềm;</p> <p>- An toàn thông tin;</p> <p>- Kỹ thuật máy tính;</p> <p>- Công nghệ kỹ thuật máy tính;</p> <p>- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu;</p> <p>- Tin học;</p> <p>- Tin học ứng dụng;</p> <p>- Các chuyên ngành về: Công nghệ thông tin, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, tin học, khoa học tính toán, kỹ thuật tính toán của các trường đại học khác;</p> <p>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính</i>) của Học viện <i>dưới 10%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chi của khối kiến thức ngành.</p>	<p>- Hệ thống thông tin</p>			
<p>Khoa học máy tính</p> <p>Mã chuyên ngành: 8480101;</p>	<p>- Khoa học máy tính</p>				



TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đứng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần / khác và các môn học Bổ sung kiến thức		Số tiết
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	
4	Quản trị kinh doanh Mã chuyên ngành: 8340101	Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;</li> <li>- Quản trị khách sạn;</li> <li>- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống;</li> <li>- Kinh doanh thương mại;</li> <li>- Các chuyên ngành về Quản trị kinh doanh của trường đại học khác;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p><b>Nhóm 1 (Ngành gần):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ngành/chuyên ngành thuộc Nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p><b>Nhóm 1:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Marketing căn bản;</li> <li>2. Quản trị học;</li> <li>3. Quản trị chiến lược;</li> <li>4. Quản trị sản xuất;</li> <li>5. Quản trị tài chính;</li> <li>6. Quản trị nhân lực.</li> </ol>	<p>30</p> <p>40</p> <p>30</p> <p>30</p> <p>30</p> <p>30</p>
			<p><b>Nhóm 2 (Ngành khác):</b></p> <p>Các ngành Công nghệ, Kỹ thuật, Khoa học tự nhiên, Kiến trúc, Xây dựng, Môi trường, Nông - lâm nghiệp, Pháp luật, Chính trị, Du lịch, Quản lý nhà nước, Quản sự, An ninh.</p>	<p><b>Nhóm 2:</b></p> <p><i>Ngoài 6 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 6 môn sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kinh tế vi mô 1;</li> <li>2. Kinh tế vĩ mô 1;</li> <li>3. Tài chính tiền tệ;</li> <li>4. Kinh tế lượng;</li> <li>5. Luật kinh tế;</li> <li>6. Nguyên lý kế toán.</li> </ol>	<p>40</p> <p>40</p> <p>30</p> <p>40</p> <p>30</p> <p>40</p>	